

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU XANH HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU XANH HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI GREEN IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108093144

3. Ngày thành lập: 02/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 26, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979595910

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
2.	Trồng cây lấy sợi	0116
3.	Trồng cây hàng năm khác	0119
4.	Trồng cây ăn quả	0121
5.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
6.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
7.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
8.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
9.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
10.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
12.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
14.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
15.	Trồng cây điều	0123
16.	Trồng cây cà phê	0126

17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
20.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
21.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
22.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
23.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
24.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
25.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
26.	Sản xuất đường	1072
27.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
28.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079
29.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
30.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
31.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
36.	Trồng cây hồ tiêu	0124
37.	Bán buôn gạo	4631
38.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
39.	Bán buôn tổng hợp	4690
40.	Trồng lúa	0111
41.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
42.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
43.	Trồng cây mía	0114
44.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
45.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; Bán lẻ phân bón	4773
46.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
47.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
48.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
49.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
50.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
51.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
54.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
55.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
56.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
57.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

